

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại  
chăn nuôi heo thịt tại thôn Tân Đới, xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;*

*Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 1110/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam;*

*Xét nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt tại thôn Tân Đới, xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam, gửi kèm Công văn số 03/CV-HTX ngày 10/7/2020 của Hợp tác xã Nông nghiệp Trúc Hà về việc chỉnh sửa bổ sung lần 02 nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo thịt;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 549/TTr-STNMT ngày 29 tháng 7 năm 2020 và hồ sơ kèm theo.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường của Dự án trang trại chăn nuôi heo thịt tại thôn Tân Đới, xã Đại Sơn, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam (sau đây viết tắt là Dự án) do Hợp tác xã Nông nghiệp Trúc Hà làm Chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ Dự án) với các nội dung chủ yếu sau đây:

- Phạm vi: Tổng diện tích dự án 12.700 m<sup>2</sup> (Theo Quyết định chủ trương đầu số 1110/QĐ-UBND ngày 16/4/2020 của UBND tỉnh Quảng Nam).

- Quy mô của Dự án: 1.800 con heo thịt/lúa

**Điều 2.** Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung được nêu trong Báo cáo Đánh tác động môi trường đã được phê duyệt và những yêu cầu bắt buộc như sau:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung đã được phê duyệt tại Điều 1 và các nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đại Lộc để được chỉ đạo và phối hợp xử lý; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ Chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo Đánh giá tác động môi trường, báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để theo dõi, quản lý. Số liệu giám sát phải được cập nhật đầy đủ và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra, đánh giá diễn biến về chất lượng môi trường của khu vực.

5. Tuân thủ các yêu cầu về phòng ngừa, ứng cứu sự cố, vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn hóa chất trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

6. Tất cả các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu được sử dụng trong Dự án đều không thuộc danh mục cấm sử dụng ở Việt Nam theo quy định hiện hành.

7. Lập và gửi Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của Dự án về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi bắt đầu tiến hành vận hành thử nghiệm ít nhất 20 (hai mươi) ngày làm việc. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải từ 03 (ba) đến 06 (sáu) tháng kể từ thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm. Sau khi kết thúc thời gian vận hành thử nghiệm phải thông báo kết quả hoàn thành về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để được theo dõi, giám sát.

8. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường (bao gồm công trình xử lý chất thải và các công trình bảo vệ môi trường khác) trước khi hết thời hạn vận hành thử nghiệm 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp các công trình bảo vệ môi trường đáp ứng yêu cầu theo quy định của pháp luật, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận hoàn thành trước khi đưa dự án vào vận hành chính thức.

9. Trong quá trình triển khai Dự án, Chủ Dự án có những thay đổi quy định tại Khoản 2, Điều 26 Luật Bảo vệ môi trường thuộc các trường hợp được quy định cụ thể tại Điểm 4, Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ phải có văn bản báo cáo gửi UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chỉ được thực hiện những nội dung thay đổi sau khi có quyết định chấp thuận về môi trường của UBND tỉnh.

**Điều 3.** Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Đại Lộc và các Sở, ngành liên quan theo chức năng, nhiệm vụ kiểm tra, giám sát Chủ Dự án trong thực hiện nội dung Báo cáo Đánh giá tác động môi trường phê duyệt tại Quyết định này. Trường hợp Chủ Dự án vi phạm quy định tại Quyết định này, kịp thời báo cáo UBND tỉnh xem xét, xử lý.

**Điều 4.** Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương; Chủ tịch UBND huyện Đại Lộc, Chủ tịch UBND xã Đại Hưng, Giám đốc Hợp tác xã Nông nghiệp Trúc Hà; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng PC 05;
- Phòng TN&MT huyện Đại Lộc;
- Lưu: VT, KTN.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

Quyết định phê duyệt Báo cáo Đánh giá tác động môi trường này đã được đăng ký Nhà nước tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

Số đăng ký: ĐK/ĐTM ngày tháng năm 2020

**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
GIÁM ĐỐC**

## **Phụ lục**

*(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-UBND ngày...../...../2020  
của UBND tỉnh Quảng Nam)*

**1. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:** nội dung cụ thể được thể hiện tại mục 3.1.1.1, mục 3.1.2.1, mục 3.2.1 Chương 3 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

**2. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường:** nội dung cụ thể được thể hiện tại mục 3.1.1.2, mục 3.1.2.4, mục 3.2.4 Chương 3 của Báo cáo đánh giá tác động môi trường. Trong đó lưu ý các nội dung chính sau:

### **2.1. Về xử lý bụi, khí thải:**

- Trong giai đoạn xây dựng: Bố trí xe tưới nước tại các mặt bằng tổ chức thi công khi tiến hành san nền dự án để hạn chế bụi, với tần suất tối thiểu khoảng 04 lần/ngày (02 lần buổi sáng, 02 lần buổi chiều).

- Trong giai đoạn vận hành:

+ Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm bụi, khí thải từ các hoạt động vận chuyển thức ăn, nguyên vật liệu vào trang trại và vận chuyển heo đi tiêu thụ: Trong quá trình vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ, trước và sau khi vận chuyển sản phẩm, thùng xe được xịt rửa kỹ và phun chế phẩm khử trùng.

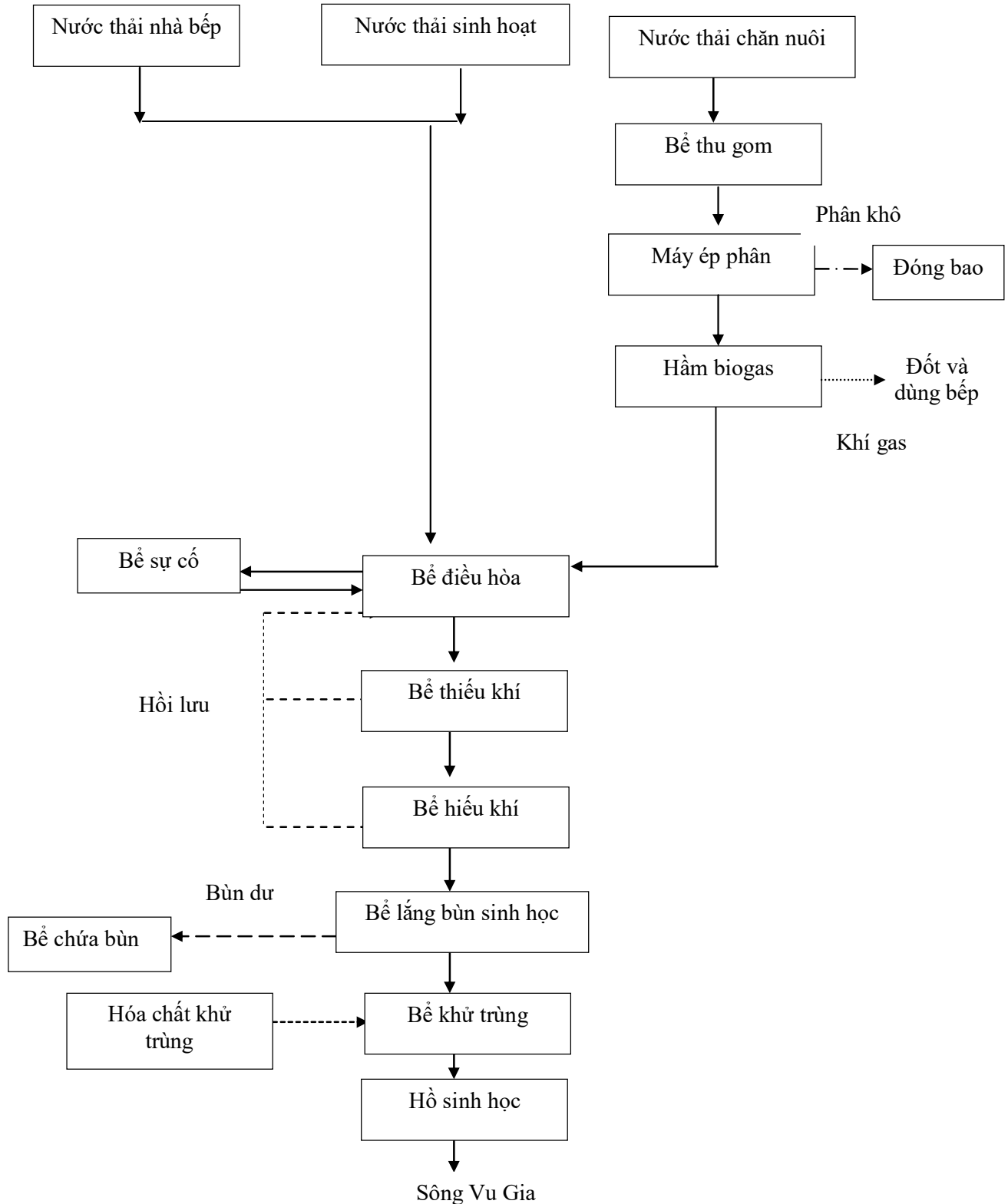
+ Giảm thiểu bụi, mùi hôi, khí thải phát sinh do quá trình phân hủy của chất thải trong hoạt động chăn nuôi: Hàng ngày quét dọn vệ sinh chuồng nuôi, không để phân, nước tiểu ứ đọng trong chuồng; Luôn chú ý giữ gìn vệ sinh khu vực chuồng trại và các khu vực khác trong trang trại sạch sẽ, thoáng mát; Lắp đặt hệ thống làm mát nhằm tạo môi trường thông thoáng giúp cho quá trình trao đổi oxy giữa bên trong chuồng trại và môi trường bên ngoài được diễn ra cân bằng để hạn chế mùi hôi sinh ra; Tăng cường trồng nhiều cây xanh ở khu vực chuồng trại và xung quanh trang trại, vừa có tác dụng tạo bóng râm vừa làm đẹp cảnh quan môi trường, sản sinh khí O<sub>2</sub>, tạo không khí trong lành và vành đai cách ly; 01 lần/tuần tiến hành phun các chế phẩm sinh học ở khu vực chuồng trại; Định kỳ 2 lần/tuần tiến hành phun thuốc khử trùng cho chuồng trại, cắt cỏ sạch sẽ tiêu diệt nơi sản sinh ra ruồi, muỗi.

+ *Giảm thiểu mùi hôi tại khu vực hệ thống xử lý nước thải tập trung của trang trại:* Hệ thống xử lý nước thải được đặt cuối hướng gió (Hướng Bắc) nhằm giảm thiểu mùi hôi phát tán đến các khu vực xung quanh; Thường xuyên sử dụng chế phẩm EM vào việc khử mùi hôi tại đường dẫn nước thải, tại hồ Biogas, tại hệ thống xử lý nước thải (với tần suất và liều lượng là 5 lít Emuniv/1 lần phun đối với chuồng trại có diện tích 500m<sup>2</sup>); Sử dụng hệ thống quạt hút tại hệ thống xử lý để hạn chế mùi hôi tại đây. Khí thải sau quạt hút được đẩy lên cao để phát tán ra ngoài, cuối hướng gió; Hệ thống dẫn nước thải phải được xây dựng kín, theo kết cấu ống dẫn để không làm phát tán mùi hôi, hạn chế nước mưa rơi vào và ngăn chặn côn trùng, ruồi nhặng tập trung đến; Tăng cường trồng nhiều cây xanh ở khu vực chuồng trại và xung quanh trang trại.

## 2.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Trong giai đoạn xây dựng: đối với nước thải sinh hoạt chủ dự án bố trí 01 nhà vệ sinh di động và hợp đồng với đơn vị chức năng định kỳ hút xử lý.

- Trong giai đoạn hoạt động: xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m<sup>3</sup>/ngày.đêm. Công nghệ xử lý như sau:



(Nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B,  $K_q=0,9$ ;  $K_f=1,2$ )

### **2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường:**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn sinh hoạt lưu chứa trong các thùng rác tại công trường thi công và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

- Trong giai đoạn hoạt động:

+ *Chất thải rắn sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng:* đưa về kho lưu chứa với diện tích 20 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và đưa đi xử lý theo đúng quy định.

+ *Chất thải rắn từ quá trình chăn nuôi:*

Phân heo: phân heo cùng với nước tiểu heo theo nước vệ sinh chuồng trại vào hệ thống thu gom dẫn về hồ Biogas để xử lý. Thời gian lưu trong hồ là 55-60 ngày, khi đó các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy tạo thành các khí và phân cặn lắng ở đáy hồ. Lượng khí sinh học phát sinh sẽ được thu gom để sử dụng cho trang trại để đun nấu, phát điện,...

Bùn từ hồ Biogas, hồ sinh học: Được nạo vét, bơm hút định kỳ. Chủ dự án đầu tư 01 máy nén phân để hút toàn bộ lượng bùn từ hồ biogas và ao hồ sinh học nén thành các viên phân sau đó đóng bao bán lại cho đơn vị phục vụ cho trồng trọt trên địa bàn huyện. Nước thải từ máy nén được bơm tuần hoàn về hầm biogas xử lý lại.

Bao bì đựng cám, thức ăn cho heo: Bao bì đựng thức ăn, chai lọ (không chứa các chất thuộc danh mục chất thải nguy hại),... được thu gom hằng ngày và tập trung tại nhà kho, một phần tận dụng để tái sử dụng hoặc đem bán cho các cơ sở, cá nhân có nhu cầu, phần còn lại đem xử lý cùng với chất thải rắn sinh hoạt.

+ *Xác gia súc chết:*

Xác gia súc bị chết không do dịch bệnh (chết cơ học) sẽ được chôn ở 1 góc phía cuối khu đất dự án với diện tích 60 m<sup>2</sup> (trong tổng diện tích 96 m<sup>2</sup>), cách xa khu chuồng trại nằm ở góc phía Bắc của dự án.

Gia súc chết do dịch bệnh sẽ được phun thuốc khử trùng tiêu độc và xử lý theo đúng quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phòng, chống dịch bệnh trên cạn. Chủ dự án sẽ bố trí 36 m<sup>2</sup> trong tổng diện tích 96 m<sup>2</sup> tại khu vực chôn xác heo nằm ở góc phía Bắc để làm khu vực xử lý gia súc chết do dịch bệnh.

Quy cách hố chôn: Thực hiện theo đúng QCVN 01-41/2011/BNNPTNT ban hành kèm theo Thông tư số 33/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2011.

Hố chôn phải đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường xung quanh, phải cách xa nhà ở, giếng nước, có đủ diện tích.

Kích cỡ: Chiều rộng không quá 3m, chiều dài 9 – 12 m, chiều sâu 1,2 – 1,5 m.

**2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:**

- Trong giai đoạn thi công xây dựng: Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích 09 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị chức năng xử lý.

- Trong giai đoạn hoạt động nhà máy: Xây dựng kho lưu chứa chất thải nguy hại với diện tích kho chứa 9m<sup>2</sup>, mái lợp tôn, có cửa ra vào và biển cảnh báo và hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom xử lý theo quy định.

**2.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:** nội dung cụ thể được thể hiện tại mục 3.1.2.6 và mục 3.4.4.3 của Chương 3 của Báo cáo Đánh giá tác động môi trường.

**3. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án:**

Dự án thuộc trường hợp vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành các công trình biện pháp bảo vệ môi trường.

**4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:** nội dung cụ thể được thể hiện tại mục 4.2 Chương 4 của Báo cáo Đánh giá tác động môi trường. Trong đó, giám sát môi trường trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động như sau:

*a. Giám sát môi trường không khí:*

- Vị trí giám sát:

+ 01 vị trí lấy tại khu vực chuồng nuôi.

+ 01 vị trí lấy tại khu vực sau nhà nuôi nơi thoát khí chuồng nuôi.

- Các thông số giám sát: vi khí hậu, độ bụi, độ ồn, NH<sub>3</sub>, H<sub>2</sub>S, CO<sub>2</sub>.

- Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh: QCVN 01- 99:2012/BNNPTNT, phụ lục 1, tiêu chuẩn kỹ thuật môi trường không khí xung quanh chuồng nuôi.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần hoặc giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

*b. Giám sát môi trường nước mặt*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước mặt tại sông Vu Gia vị trí tiếp nhận nước thải của Dự án;

- Thông số giám sát: pH, DO, COD, BOD<sub>5</sub>, Amoni (theo N), Nitrit (theo N), Nitrat (theo N), Phosphat (theo P), Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

*c. Giám sát chất lượng nước dưới đất*

- Vị trí giám sát : 01 mẫu nước dưới đất tại giếng khoan khu vực Dự án;

- Thông số giám sát: pH, Độ cứng, Nitrat, Nitrit, Cl, Fe, COD, BOD, TSS, Cu, Hg, As, Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: QCVN 09-MT:2015: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

*d. Nước thải chăn nuôi*

- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước sau hệ thống xử lý (sau vị trí khử trùng).

- Thông số giám sát: pH, BOD5, COD, TSS, Sunfua, Amoni, tổng N, tổng P, Coliform.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần hoặc giám sát đột xuất khi có sự cố môi trường hoặc có yêu cầu của chính quyền địa phương.

Tiêu chuẩn, quy chuẩn so sánh:

- + QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi cột B.

- + Các chỉ tiêu QCVN 62-MT:2016/BTNMT không quy định thì so sánh theo QCVN 01-79:2011/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm – Quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y.

*e. Chất thải rắn*

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng.

- Thông số giám sát: Lượng thải, thành phần.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.

*f. Giám sát chất thải nguy hại*

- Vị trí giám sát: Khu vực tập kết CTNH

- Thông số giám sát: Lượng thải, thành phần.

- Tần suất giám sát: thường xuyên.